

GHI CHÚ VỀ CHIẾC THẺ BÀI THỜI LÊ SƠ

T.S. PHẠM QUỐC QUÂN

1. Xuân Nhâm Thìn, Câu lạc bộ Những người yêu cổ ngoạn Hà Nội tổ chức trưng bày phòng triển lãm cổ vật và những tác phẩm nghệ thuật bằng đá quý tại nhà số 93 phố Đinh Tiên Hoàng, Hà Nội, theo đó là một ấn phẩm với tựa đề "Thú chơi cổ ngoạn của người Hà Nội"¹. Trong rất nhiều hiện vật đặc sắc, đẹp mắt và ấn tượng, tôi đặc biệt chú ý tới chiếc thẻ bài bằng đồng, cẩn vàng của nhà sưu tập Dương Minh Chính, với những chú thích vô cùng ngắn ngủi trên vưng tập cũng như trên Etiket hiện vật. Có thể coi đây là chiếc thẻ bài thứ hai được biết có niên đại thời Lê sơ², trong khi đó, những thẻ bài thời Nguyễn đã thấy nhiều trong Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế, thuộc Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế, nhưng tôi không đủ tầm vóc viết một chuyên khảo về thẻ bài, cho dù, tài liệu và số lượng đủ cho phép làm được. Xin dành lại cho những người khác có điều kiện hơn.

Thẻ cao 13cm, rộng 6cm, giống như một chiếc bia đá không có chân. Phía trên là một bông hoa sen úp, núp hoa là đỉnh của thẻ bài. Từ núp hoa, tỏa ra những cánh sen, nhỏ dần vào trong. Phân cách giữa những cánh hoa là những đường gân nổi, tạo những đường cong, đường xoáy, kết hợp với những đường nổi tạo gân lá, khiến cho hiện vật chắc khoẻ, đường bệ, đúng là biểu tượng cho quyền uy của một quan lại cao cấp trong cung đình. Giữa bông hoa là một lỗ tròn nhỏ để xỏ dây đeo. Thân thẻ bài dày 1mm, được cẩn vàng, nhưng thời gian trong lòng đất đã làm bong tróc lớp vàng

mỏng, lộ ra chất liệu đồng - là nguyên liệu chính của chiếc thẻ và dường như là nguyên liệu chủ yếu được dùng trong việc đúc ấn, tín, kim sách và thẻ bài của các triều đại phong kiến Việt Nam, đặc biệt là thời Lê - Nguyễn.

Cho dù, bông sen là tiêu chí đầu tiên nhận diện niên đại của thẻ bài, có đôi chút thô cứng, thiếu sự mềm mại của hoa sen dây mà chúng ta hay gặp trên các diềm bia đá, trên các đồ gốm trắng văn in thời Lê sơ hay trên các đồ đồng cùng thời, nhưng tính thời đại vẫn hiển lộ, nếu nhìn tổng thể và từng chi tiết của hoa sen. Thực ra, văn tự trên thẻ, chẳng những cho biết niên đại tuyệt đối của nó, mà còn cho hay nhiều nội dung có liên quan tới quan chức thời Lê sơ, nhưng tôi vẫn muốn ghi chép đôi dòng trên đây về phong cách nghệ thuật hoa sen, để thêm một lần nữa khẳng định tính chân xác và đồng bộ của di vật, khi mà đã có đôi lời nghi ngờ, rằng gần đây, có không ít ấn chương ngụy tạo từ Trung Quốc chuyển sang Việt Nam, với những văn tự trùng khớp với lịch sử và nhân vật, mà tôi đã được xem một chiếc ấn như thế của ông vua nông dân Lý Tự Thành, thời nhà Minh, Trung Quốc.

Mặt trước chiếc thẻ bài có một dòng chữ lớn được khắc theo lối chữ thời nhà Minh, mà ta hay thấy trên sắc phong có niên hiệu Dương Hoà: "Tả Kiểm điểm Cẩm Y vệ Đô chỉ huy sứ Chương vệ sự Dương Sơn Bá". Mặt sau là chữ chân, nét chữ mảnh, được bố cục 5 dòng với nội dung như sau: "Xuất kinh bất dụng vũ tự. Phạm Bá huyên đài thử

bài bất hứa tá thất, vi giả trị tội”, “Hong Thuận tam niên Chính nguyệt, nhị cửu nhật tạo”.

Xin lược dịch nội dung chiếc thẻ này như sau: “Dương Sơn Bá là Tả Kiểm điểm, Đô Chỉ huy sứ, Chương vệ sự (ở) Vệ Cẩm y”. “Ra khỏi kinh thành không được dùng vũ lực. Bá đeo thẻ bài này không được cho mượn hoặc làm mất, trái lệnh sẽ bị trị tội”. “Hong Thuận năm thứ ba, ngày 29 tháng Giêng” (1512).

Như vậy, nội dung đã cho biết chức và cơ quan của người sở hữu. Nội dung cũng khẳng định ngày, tháng, năm chế tạo chiếc thẻ bài, cùng những quy định khá chặt chẽ dành cho người sử dụng.

Có thể nói, Hong Thuận và gần hai thập niên đầu của thế kỷ XVI là thời kỳ vô cùng loạn lạc, với sự ra đi của Lê Uy Mục vào năm 1509, sau đó, Lê Tương Dực (Lê Oánh) lên thay, đặt niên hiệu là Hong Thuận. Đầu năm 1516, tướng quốc Trần Cảo làm loạn, Lê Tương Dực bị giết, lập Lê Ý khi đó mới 14 tuổi làm vua, đổi niên hiệu là Quang Thuận, tức Lê Chiêu Tông. Năm 1522, Lê Chiêu Tông chạy loạn về Thanh Hoá dưới sức ép của Mạc Đăng Dung để lập em của Chiêu Tông là Xuân lên làm vua, đổi niên hiệu là Thống Nguyên, gọi là “Lê Cung Hoàng”. Sáu năm sau, Lê Cung Hoàng bị Mạc Đăng Dung giết, chấm dứt sự tồn tại của nhà Lê sơ. Trong 18 năm, vương triều ba lần đổi chủ, xung đột bè phái trong tập đoàn thống trị diễn ra rất quyết liệt.

Viết đôi dòng bối cảnh lịch sử liên quan tới chiếc thẻ bài này, để thấy đây là một tài liệu lịch sử hiếm và quý về một vương triều rối ren, loạn lạc, tồn tại 6 năm, theo đó đã có nhiều giả thiết khác nhau, sẽ được trình bày sau đây, liên quan tới địa danh phát hiện ra nó, để độc giả tham khảo về sự trùng hợp giữa lịch sử và hiện vật.

2. Bây giờ, xin trở lại với nội dung chiếc thẻ bài, thông qua những chức quan, mà tôi muốn mượn công trình khảo cứu của cố giáo sư, tiến sĩ Đỗ Văn Ninh làm cơ sở, cho dù, rất nhiều đoạn khảo cứu của ông chưa hẳn đã phù hợp với một khung niên đại hẹp như thế này, nhưng dẫu sao, cũng cho chúng ta biết được một số chức quan với những tên gọi rất phù hợp với chiếc thẻ bài đang bàn³.

Tả Kiểm điểm (hay Hữu Kiểm điểm) là chức quan coi giữ Cẩm quân, chức thấp hơn Tổng quản. Đầu thời Lê đã có chức quan này, với tên gọi là Điện tiền Kiểm điểm. Quan chế thời Hồng Đức đặt Đô Kiểm điểm, lại đặt Tả, Hữu Kiểm điểm và cho trật chánh nhị phẩm, tòng nhị phẩm. Đến thời Lê Trung Hưng, do kiêng húy Trịnh Kiểm, đổi là Hiệu điểm với phẩm trật như thời Hồng Đức. Như vậy, trước hay sau giai đoạn lịch sử xuất hiện của chiếc thẻ bài này, thì người giữ chức Tả, Hữu Kiểm điểm có phẩm hàm lớn.

Cẩm Y vệ đã được ghi rõ trong quy định năm Tân Mão (1471) như sau: Người có tội bị oan uống cũng nên xét lại cho được rõ oan. Vệ Cẩm y xét kiện và Điện tiền xét án. Có sự gì oan khuất thâm hại phải tâu lên, ngày ngày phải tâu đến xét hỏi.

Sử học bị khảo⁴ còn ghi chi tiết như sau: Cẩm quân 2 vệ Cẩm y và Kim ngô, vệ nào cũng có Đô Chỉ huy sứ thiêm sự, Trấn điện tướng quân, Lục sĩ Hiệu úy, Đoán sự, Thiên hộ 5 sở, Phó Thiên hộ, Lương y sở, Lương y chính lại thuộc Vệ Cẩm y.

Tháng 8 năm Đinh Hợi (1467), đặt thêm quân ở trong kinh và ngoài các đạo. Quân trong kinh có 66 ty, 51 vệ. Quân ngoài có 26 vệ. Lệ định rõ số quân mỗi ty có 100 người. Mỗi vệ 5 hoặc 6 sở. Mỗi sở 20 đội. Mỗi đội 20 người.

Trực điện Kim quang có 10 ty lực sĩ.

Cẩm Y vệ có 20 ty dũng sĩ.

Cẩm Y có 18 ty tráng sĩ.

Hai mươi ty dũng sĩ của Vệ Cẩm y gồm: Ngân Đạo, Tróc Sinh, Nghi Vệ, Tài Quan, Hiệu Lệnh, Dịch Vạn, Thiên Mã, Kỳ Thủ, Đình Uy, Thư Ngử, Phục Ba, Ngân Thương, Hàn Vệ, Du Nỗ, Thần Uy, Phi Kị, Thần Xa, Thanh Lô, Xá Nhân, Kỳ Bài.

Mười tám ty tráng sĩ của Vệ Cẩm y gồm: Dịch Vạn, Phục Ba, Xá Nhân, Tuấn Sĩ, Thần Uy, Phi Kỵ, Ngoại Trực, Hiệu Lệnh, Đình Uy, Nghi Vệ, Minh Tiên, Kỳ Bài, Du Nỗ, Xuy Kim, Tráng Nỗ, Ngũ Thành binh mã, Tượng Cứu, Mã Cứu.

Bốn vệ Tuấn tượng thuộc Cẩm Y gồm: Tiền vệ có 5 sở, Tả vệ có 5 sở, Hữu vệ có 5 sở và Vệ Mã Nhân cũng có 5 sở.

Như vậy, vào cuối thế kỷ XV, Vệ Cẩm y thuộc triều Lê sơ có cơ cấu khá lớn và sự lớn, nhỏ, hoặc gia tăng và thu hẹp quyền hạn tùy thuộc vào mỗi triều vua, mỗi triều đại.

Sang thời Nguyễn, Vệ Cẩm y chỉ còn có 10 đội túc trực, 5 đội trường trực, 5 đội thường trực, định ngạch gồm 1.000 người trở lên. Trách nhiệm là thân binh túc vệ. Khi nhà vua đi tế Giao, thăm lăng mộ, tuần du, phải mang gươm theo hầu, tuần xét đường xá. Gặp ngày thường triều, đại triều phải đứng hầu ở sân rồng, ban đêm thì thay phiên túc trực.

Cửa cung thành mở cho người ra vào phải xét kỹ mới cho đi, sáng hôm sau phải làm tờ tấu trình cho vua xem. Đặc biệt cửa Đại cung phải trình với đương trực đại thần rồi mới mở cửa.

Vệ Cẩm y phải làm nhà ở gần quanh kinh thành, cắt phiên ứng trực tuần cảnh.

Vua đi săn phải chiếu đường thủy lục đi trước hướng dẫn, quân theo sau hầu trực.

Triều Minh (Trung Quốc) là một triều đại phong kiến khá hùng mạnh, được xây dựng với những nguyên tắc khá chặt chẽ. Vào năm Hồng Vũ thứ 15 (1382), Minh Thái Tổ cho ra đời một cơ quan là Cẩm Y vệ Thân quân Chỉ huy sứ ty, có nhiệm vụ hộ vệ hoàng đế. Hoàng đế ngồi thì đứng quanh bệ, hoàng đế đi xe thì theo hộ vệ. Tuy nhiên, Minh Thái Tổ luôn gia cường nền thống trị chuyên chế nên đã đặc lệnh cho Vệ Cẩm y kiêm quân hình ngục để rồi đến giữa triều Minh trở về sau, đã trở thành một cơ cấu thẩm phán ngoài cơ quan tư pháp chính quy. Trưởng quan là Chỉ huy sứ, thường do công thần, ngoại thích đảm nhiệm.

Đô Chỉ huy sứ là một chức trưởng quan trong Đô Chỉ huy sứ ty, ra đời vào năm Hồng Vũ thứ 15 (1382) thời nhà Minh, Trung Quốc. Ở nước ta, cuối thời nhà Hồ, đặt bộ máy thống trị có Đô Chỉ huy sứ ty, còn gọi là Đô ty, nắm việc quân sự, thống lãnh các vệ, sở, nghe lệnh của Binh bộ. Đô ty có một Đô Chỉ huy sứ, trật chánh nhị phẩm. Đô Chỉ huy đồng trị hai người, Đô Chỉ huy thiêm sự 4 người, trật chánh tam phẩm.

Như vậy, Đô Chỉ huy sứ là một chức quan có từ thời Hồ tới cuối thời Lê sơ, giai đoạn 1510 -1516, thời vua Lê Tương Dực vẫn tiếp tục sử dụng chức quan này, phụ trách Vệ Cẩm y mà ta đã thấy trong chiếc thẻ bài.

Chương Vệ sự là chức quan nắm giữ và chỉ huy Vệ Cẩm y. Vào thời Nguyễn, Chương Vệ sự là một quan võ, nắm Phó Chỉ huy Vệ Cẩm y, với 10 đội

quan túc trực, phẩm trật thuộc hàng nhị phẩm. Vệ Cẩm y và Vệ Kim ngô canh giữ cung điện, thành tường, vườn cấm, điện Cần Chánh, điện Văn Minh, điện Vũ Hiển, nhà Duyệt Thị, cửa Đại Cung, cửa Hưng Khánh, cửa vườn Ngự Uyển.

Vào cuối thời Lê sơ, có lẽ chức quan này cũng không khác so với triều Nguyễn. Và, xét tổng thể thông tin vừa nêu trên, phẩm hàm, chức tước, cơ quan làm việc của Dương Sơn Bá là hoàn toàn phù hợp với nội dung có trên thẻ bài. Vấn đề quan trọng là, từ chiếc thẻ bài này, chúng ta biết được phần nào các chức quan thời Lê sơ, tổ chức khá công kênh của Vệ Cẩm y và những phẩm trật vô cùng danh giá được vua ban cho người phụ trách một cơ quan quân đội bảo vệ vua. Tất cả, có đúng là như vậy không, dưới đây, tôi xin đưa ra một tư liệu, để độc giả có thêm suy nghĩ về những chức tước, phẩm trật ít nhiều có liên quan tới Vệ Cẩm y.

3. Như ta đã biết, Vệ Cẩm y vốn có lịch sử lâu đời, nhưng vào thời Lê sơ, Lê Trung Hưng khá hoành tráng, với những chức quan và tước phẩm lớn, bởi tôi liên hệ tới những dòng ghi chép trên những bia mộ trong các khu mộ Mường cổ của các Lang Cun vùng Mường Hoà Bình. Xin được lược trích đôi dòng, ít nhiều có liên quan tới nội dung chiếc thẻ bài và cũng khá trùng khớp với giai đoạn lịch sử cuối thời Lê sơ và Lê Trung Hưng: "Thổ tù xã Ngọc Lâu, huyện Phụng Hoá, phủ Thiên Quan, đặc tiến Phụ quốc Thượng tướng quân, Tả Đô đốc, Đô Chỉ huy sứ (ở) Ty Đô Chỉ huy sứ Vệ Cẩm y (tước) Vĩnh Lộc Hầu (tên là) Quách Phúc Thiêm"⁵. "Bản mệnh Nhâm Ngọ tuế, thập lục thập lục, Đinh Hợi niên, thập nguyệt, thập tam nhật, Sửu thời chung, phụng cửu linh xa, cung tế huynh đệ nghiêm hoà, dục vận tán trị công thần, đặc tiến Phụ quốc Thượng tướng quân, Cẩm Y vệ thự sự, Uy Lộc hầu, tằng Chương vệ sự, Điện tiến Đô Hiệu điểm. Ty đề đốc, Uy Quận công, Đinh Quý công, huý Kính Thành"⁶.

Đây là hai quan lang của hai mường (Bi và Động) thuộc tỉnh Hoà Bình - là một trong những địa phương, vào thời Lê là vùng biên viễn xa xôi, dưới sự quản lý của các Lang Cun, do chính quyền trung ương không thể với tới, theo đó, để ràng buộc các tù trưởng địa phương, nhà vua đã gả công chúa, phong chức tước rất lớn cho họ, nhằm

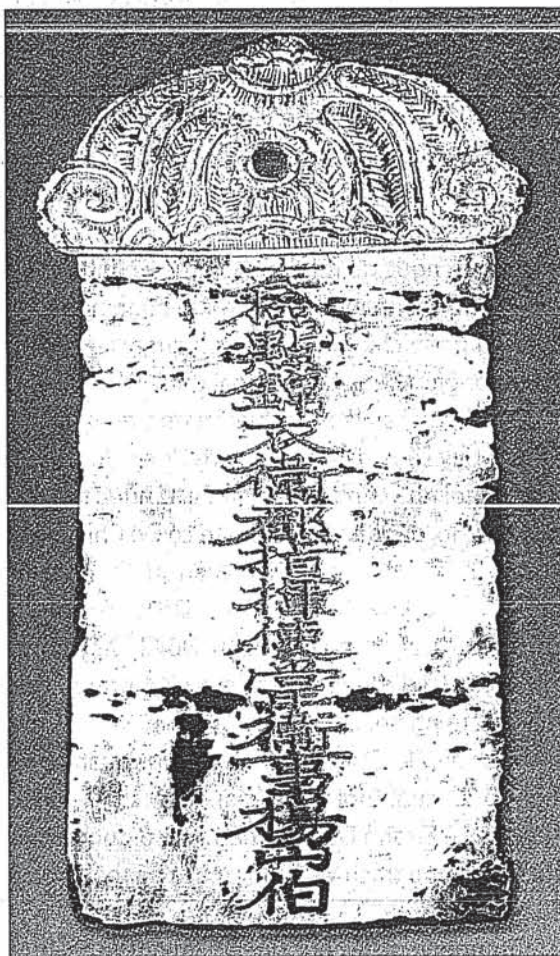
giữ yên vùng biên viễn. Chính sách này, không chỉ đến thời Lê sơ, Lê Trung Hưng, mà thời Lý - Trần đã được thực hiện. Chỉ tới thời Nguyễn, sau cải cách hành chính của vua Minh Mạng, các mường mới bị giải thể, thay vào đó là cơ quan hành chính cấp xã, quyền lực nhà lang mới bị thu hẹp.

Vậy nên, tôi sẽ không đi sâu tìm hiểu chức tước của hai Lang Cun họ Quách và Đinh, nhưng chỉ sơ bộ đối chiếu văn tự trên chiếc thẻ bài với văn tự trên hai mộ chí, thấy ngay, hai thổ tù, đầu chưởng ở kinh thành, nhưng chức và tước của họ lớn hơn rất nhiều so với Dương Sơn Bá. Họ cũng là Đô Chỉ huy sứ, Ty Đô Chỉ huy sứ Vệ Cẩm y, Cẩm Y vệ thự sự - đều là võ quan chỉ huy đội quân bảo vệ vua, dù biết chắc chắn rằng, đó chỉ là "hữu danh, vô thực". Phải chăng, chiếc thẻ bài này cũng là để cấp cho những người "hữu danh vô thực" như Quách Phúc

Thiêm và Đinh Quý công?

4. Người sưu tầm kể cho tôi rằng, anh là người thứ hai được sở hữu "báu vật" này, mà trước đó, người nhượng lại cho anh (Dương Minh Chính) tìm được ở Thọ Xuân, Thanh Hoá. Tuy nhiên, về logic, việc xuất hiện chiếc thẻ bài của một vị quan trông coi Vệ Cẩm y, phải ở Đông Kinh, xem ra mới hợp lý, vì quy định của triều đình, ngay cả lính Cẩm Y cũng phải làm nhà gần quanh kinh thành để dễ bề cắt phiên ứng trực, tuần canh.

Thế nhưng, có ý kiến cho rằng, Lam Kinh thuộc huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá hiện nay, khi ấy là kinh đô thứ hai của nhà Lê sơ, nên rất có thể, thời gian nhà vua về bái yết Sơn Lăng, có mang theo đội quân Cẩm y này và không biết bởi một lý do nào đó, chiếc thẻ đã nằm lại ở vùng đất Thọ Xuân, để đến hôm nay mới phát hiện được. Thực ra, vai



Hai mặt thẻ bài - Ảnh: Tác giả

trò, vị trí của Lam Kinh chỉ có ý nghĩa với các triều vua thịnh trị của triều đại này, bắt đầu từ Lê Thái Tổ đến Lê Hiến Tông, còn đến giai đoạn Lê Tương Dực, Lê Chiêu Tông, Lê Hoàng Đệ Xuân là thời kỳ vô cùng loạn lạc, mà người đời đã từng than vãn rằng “Thời kỳ Hồng Đức thịnh chế” đã một đi không trở lại, để nói về giai đoạn này⁷. Bởi thế cho nên, việc Lê Tương Dực về Lam Kinh là một chuyện hy hữu và càng chẳng có một lý do nào để chiếc thẻ ấy rớt lại trên đất Thọ Xuân.

Vậy nên, rất có thể, chiếc thẻ bài này cũng là một cách phong tặng theo kiểu “hữu danh, vô thực” của vua Lê Tương Dực đối với các tù trưởng địa phương, mà ta đã thấy, qua hai trường hợp họ Đinh, họ Quách ở xứ Mường, Hoà Bình. Tôi cho rằng, Lam Kinh, Thọ Xuân là đất phát tích của nhà Lê và vị vua khai sáng triều đại này có gốc nguồn Mường vùng Tây Thanh Hoá là có thật. Do đó, việc phong tặng chức, tước lớn cho các tù trưởng ở đây rất có thể diễn ra trong suốt thời Lê sơ. Tuy nhiên, qua văn tự trên mộ chí và trên thẻ bài, tôi thấy sự “vô thực” trên mộ chí với những mỹ từ được xem là không thể đối với một tù trưởng nơi biên viễn. Trong khi, chiếc thẻ bài, đặc biệt là với những quy định được thể hiện ở mặt sau rất rõ ràng, cụ thể, càng chứng tỏ Dương Sơn Bá là “hữu danh, hữu thực”. Ông là Tả Kiểm điểm, Đô Chỉ huy sứ, Chương vệ sự của Vệ Cẩm y thời vua Lê Tương Dực.

Vậy thì, tại sao thẻ bài này lại nằm ở Thọ Xuân? Lê Tương Dực làm vua từ năm 1510 đến năm 1516, bị giết, Lê Chiêu Tông lên thay, trong một tình thế hỗn loạn của triều chính, năm 1522, vị vua trẻ tuổi, non dạ này phải chạy về Thanh Hoá lánh nạn⁸. Chắc hẳn khi đi, ông có mang theo đội quân Cẩm y để bảo vệ xa giá, đồng thời cũng là đội quân bảo vệ mình trong suốt thời kỳ loạn lạc tại quê nhà và Dương Sơn Bá là người được sử dụng lại từ thời vua trước, qua sự sắp xếp của những công thần, trung quân, muốn phò Lê, bất hợp tác với nhà Mạc, khi ấy đang nhúng tay lúng loạn triều chính. Đây cũng giống như trường hợp chiếc ấn “Thái Y viện” thời Quang Thiệu, đã tìm thấy ở Thọ Xuân, mà mấy năm trước, đã được chúng tôi đề cập⁹, hẳn là một sự trùng hợp hay.

Tư liệu này, cùng với “Thái Y viện ấn” đều nằm chung một khung niên đại, càng thấy rõ hơn, lịch

sử đã từng tồn tại một triều đại ở vùng đất xứ Thanh, có thể được coi như một Nam triều, trong khi Mạc Đăng Dung đang chuẩn bị cho sự ra đời của một triều đại mới - triều Mạc ở Đông Kinh.

Trên đây, bằng sự trợ giúp của sử liệu, tôi đã điếm qua những thông tin có trên hiện vật này, dù rằng, không phải tất cả câu chuyện là của sáu năm ngắn ngủi thời Quang Thuận, mà chủ yếu gợi nhắc đến quan chức chí và tổ chức Cẩm y, do chiếc thẻ bài này chứa đựng, giúp độc giả hình dung một cách khái quát những vấn đề có liên quan. Trong khi, còn những điều, ví như nhân vật Dương Sơn Bá là ai, cũng chưa tìm được, bởi cũng giống như Lương Văn Bá là Nguyễn Thị Ung, Do Lễ Bá là Nguyễn Bá Huyền, Vũ Xuyên Bá là Mạc Đăng Dung, đều là tước phong. Và, với tước phong ấy, phải chăng phụ trách Vệ Cẩm y thời Lê Tương Dực thấp hơn so với thời đại trước? Như thế, chiếc thẻ bài còn nhiều điều cần được khảo cứu thêm. ■

P.Q.Q

Chú thích:

1- Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Câu lạc bộ những người yêu cổ ngoạn Hà Nội, *Thú chơi cổ ngoạn Hà Nội*, Hà Nội, 2012. tr.54. Trong cuốn sách này, những người biên soạn dịch Dương Sơn Bá là Dương Sơn Bài.

2- Tại Bảo tàng Lịch sử Việt Nam trước đây có sưu tầm được một chiếc thẻ bài của Cẩm Y vệ, thời Hồng Đức, nhưng chưa được nghiên cứu, công bố.

3- Đỗ Văn Ninh, *Từ điển chức quan Việt Nam*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 2005. Xem các trang 145, 146, 147, 183, 265, 673.

4- Đặng Xuân Bằng, *Sử học bị khảo - Quan chế khảo*, Nxb. Văn hoá - Hà Nội, 1997 (bản dịch chữ Việt).

5- Nguyễn Đình Chiến, *Mộ Mường Vang trong phổ hệ mộ thuyền Việt Nam - Thông báo khoa học Bảo tàng Lịch sử Việt Nam*, 1983

6- Đỗ Văn Ninh, Những khu mộ Mường ở Hoà Bình, *Khảo cổ học số 16/1974*. tr. 139.

7- Lê Quý Đôn, *Đại Việt thông sử*, Nxb. Tổng hợp Đồng Tháp, Đồng Tháp, 1993. tr. 116 - 121.

8- Phạm Quốc Quân, Nguyễn Đình Chiến, Nguyễn Quốc Bình, Hùng Bảo Khang, *Tiến kim loại Việt Nam*, Hà Nội, 2005. tr. 36 - 37.

9- Phạm Quốc Quân, Về chiếc ấn đồng “Thái Y viện ấn”, *Ngã ba di sản*, Hà Nội, 2011. tr. 333 - 341 (Bài viết với Nguyễn Ngọc Chất, trong *Khảo cổ học số 5*, năm 2006).